

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/DS-ST**
Ngày: 13-5-2021
“Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đình Thạch

Ông Phạm Văn Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập không tham gia phiên tòa*

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 105/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 9 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn TM, sinh năm 1963 và bà Đặng Thị T, sinh năm 1966;

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Lê Văn TM (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2B, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1968 và bà Trần Ngọc L, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2A, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 01/9/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn TM trình bày:*

Vào ngày 24/7/2018 ông TM, bà T có cho ông Nguyễn Ngọc Th và bà Trần Ngọc L vay số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có lập 01 hợp đồng cho cá nhân vay tiền do ông Th, bà L ký tên, thời hạn trả nợ là đến ngày 20/01/2020, lãi suất hai bên tự thỏa thuận ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay thì ông Th, bà L chưa trả cho ông TM, bà T số tiền gốc và lãi suất nào cả. Nay ông TM, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th, bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông TM, bà T số tiền gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th và bà Trần Ngọc L:* Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn ông Lê Văn TM và bà Đặng Thị T đứng đơn khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th và bà Trần Ngọc L có nơi thường trú tại Thôn 2A, xã BT, huyện Bù Gia Mập. Theo kết quả xác minh tại Công an xã BT, huyện Bù Gia Mập thể hiện: “Ông Nguyễn Ngọc Th và bà Trần Ngọc L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng hiện ông Th và bà L đã không có mặt tại địa phương và không biết địa chỉ thay đổi của những người trên vì khi đi không khai báo cho chính quyền địa phương biết”. Như vậy, căn cứ vào kết quả xác minh cho thấy: Hiện nay ông Th và bà L đã thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú đã ghi là tại xã BT, huyện Bù Gia Mập. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn ông Th và bà L đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt ông Th và bà L

Ông Th và bà L không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào các hợp đồng vay tiền ngày 24/7/2018 thì xác định ông Th và bà L có vay của ông TM và bà T số tiền 100.000.000 đồng hẹn thời gian trả nợ ngày 20/01/2020, nhưng từ đó cho đến nay chưa trả. Ông TM và bà T đã nhiều lần yêu cầu ông Th, bà L trả nợ nhưng không được và bỏ đi khỏi địa phương thể hiện sự trốn tránh nghĩa vụ và không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông TM, bà T buộc ông Th, bà L có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là có đủ căn cứ nên được chấp nhận.

Về tiền lãi suất: Ông TM và bà T không yêu cầu tính lãi nên không giải quyết về lãi suất.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Th và bà L phải nộp theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 96; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 của bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn TM và bà Đặng Thị T

Buộc ông Nguyễn Ngọc Th và bà Trần Ngọc L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn TM và bà Đặng Thị T số tiền nợ gốc 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Thvà và bà Trần Ngọc L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Trả lại cho ông Lê Văn TM và bà Đặng Thị T số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019427 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Lê Văn TM và bà Đặng Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th và bà Trần Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ TUYẾT